

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HSST
Ngày: 19-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Trần Văn Sơn
2. Ông: Lê Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2021, tại phòng xét xử 1, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2021/HSST ngày 15/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS ngày 05/11/2021 đối với bị cáo:

Họ tên: Lò Thị Thanh D; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1984; tại: Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông: Lò Văn Th và bà: Quàng Thị H; Bị cáo có chồng là: Cà Văn K và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/7/2021 đến ngày 24/7/2021 được thay đổi biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lò Thị Ph; SN: 1986

2. Anh Cà Văn K; SN: 1983

Đều trú tại: Bản B, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

(Chị Ph, anh K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 21/02/2018 đến ngày 08/02/2020, Lò Thị Thanh D đã nhiều lần cho Lò Thị Ph vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, được trả lãi theo từng tháng (mỗi tháng được tính là 30 ngày) với lãi suất là 108%/ năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 21/02/2018, D đã cho Ph vay 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận hàng tháng Ph phải trả tiền lãi cho D là 3.600.000 đồng. Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2018 Ph đã trả cho D số tiền lãi là 10.800.000 đồng. Lãi suất theo quy định của pháp luật 2.000.000 đồng, lãi vượt quá quy định của pháp luật là 8.800.000 đồng.

Lần 2: Ngày 17/7/2018, do Ph không có tiền để trả tiền lãi tháng 6 và tháng 7 là 7.200.000 đồng nên D và Ph đã thỏa thuận cộng khoản tiền lãi này vào số tiền gốc 40.000.000 đồng, đồng thời D cho Ph vay thêm 800.000 đồng. Tổng số tiền Ph vay của D là 48.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận hàng tháng Ph phải trả lãi cho số tiền 48.000.000 đồng là 4.320.000 đồng cho D. Lãi suất Lãi suất hợp pháp là 1.333.333 đồng, lãi vượt quá quy định của pháp luật là 5.866.667 đồng.

Lần 3: Ngày 16/10/2018, do không có tiền để trả tiền lãi tháng 8 và tháng 9 của khoản tiền 48.000.000 đồng là 8.640.000 đồng nên D và Ph thỏa thuận cộng khoản tiền lãi 8.640.000 đồng vào số tiền gốc 48.000.000 đồng và D cho Ph vay thêm số tiền 1.360.000 đồng. Tổng số tiền Ph vay của D là 58.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận hàng tháng Ph sẽ phải trả lãi cho số tiền 58.000.000 đồng là 5.220.000 đồng. Lãi suất Lãi suất hợp pháp là 1.600.000 đồng, lãi vượt quá quy định của pháp luật: 7.040.000 đồng.

Trong thời gian tháng 10 năm 2018, Ph đã trả lãi cho D số tiền 4.320.000 đồng của khoản tiền vay 48.000.000 đồng; Tháng 11 năm 2018, Ph đã trả lãi cho D số tiền 5.220.000 đồng của khoản tiền vay 58.000.000 đồng. Lãi suất hợp pháp 1.766.666 đồng, lãi vượt quá quy định của pháp luật là 7.773.334 đồng.

Lần 4: Đến ngày 02/2/2019, do không có tiền để trả tiền lãi tháng 12 năm 2018, tháng 01 và 02 năm 2019 của khoản tiền vay 58.000.000 đồng là 15.660.000 đồng nên D và Ph thỏa thuận cộng khoản tiền lãi 15.000.000 đồng vào số tiền gốc 58.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 660.000 đồng Ph trả trực tiếp cho D. Tổng số tiền Ph vay của D là 73.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận hàng tháng Ph sẽ phải trả

lãi cho khoản tiền vay 73.000.000 đồng là 6.570.000 đồng. Lãi suất Lãi suất hợp pháp là 2.900.000 đồng, lãi vượt quá quy định là 12.760.000 đồng.

Từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019, Ph đã trả lãi cho D tổng số tiền là 32.850.000 đồng của số tiền 73.000.000 đồng. Lãi suất hợp pháp là 6.083.333 đồng, lãi vượt quá quy định là 26.766.667 đồng.

Lần 5: Ngày 24/7/2019 D tiếp tục cho Ph vay số tiền 15.000.000 đồng. Tổng số tiền Ph vay của D là 88.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận hàng tháng Ph sẽ phải trả lãi cho số tiền 88.000.000 đồng là 7.920.000 đồng cho D. Từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019, Ph đã trả cho D tổng số tiền lãi là 39.600.000 đồng. Số tiền tính theo mức lãi suất hợp pháp là 7.333.333 đồng, lãi vượt quá quy định là 32.266.667 đồng.

Lần 6: Ngày 08/2/2020 do Ph không có tiền để trả tiền lãi tháng 01 và 02 năm 2020 của khoản tiền 88.000.000 đồng là 15.840.000 đồng nên D và Ph thỏa thuận cộng khoản tiền lãi 15.000.000 đồng vào số tiền gốc 88.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 840.000 đồng Ph trực tiếp trả cho D. Tổng số tiền D cho Ph vay 103.000.000 đồng. Lãi suất hợp pháp là 2.933.333 đồng, lãi vượt quá quy định là 12.906.667 đồng.

Từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, Ph không có tiền để trả lãi cho D. Đến ngày 09/7/2021, D và Ph cùng thống nhất chốt khoản tiền lãi trong thời hạn 15 tháng là 159.300.000 đồng trên khoản tiền gốc D đã cho Ph vay là 103.000.000 đồng. Tổng số tiền D cho Ph vay là 262.300.000 đồng (159.300.000 đồng + 103.000.000 đồng = 262.300.000 đồng), hai bên thỏa thuận đến ngày 13/7/2021, Ph sẽ trả toàn bộ số tiền đã vay trên cho D, sau đó D viết giấy vay tiền thể hiện các nội dung vay tiền nêu trên.

Ngày 15/7/2021, do không có đủ tiền để trả nợ cho D, Ph đã đến nhà D trả cho D số tiền 50.000.000 đồng là tiền lãi của khoản nợ 103.000.000 đồng trong thời gian 4 tháng 24 ngày (tính từ tháng 3/2021 đến 15/7/2021 tức 144 ngày). Như vậy, D đã cho Ph vay tiền với lãi xuất là: $(103.000.000 \text{ đồng} \times 365/144 \times 100\%) = 123,04\%/năm$, cao gấp 6,152 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (tương ứng với mức cho vay là 3.371đ/1.000.000đ/1 ngày). Lãi suất hợp pháp là 8.127.123 đồng, lãi vượt quá quy định là 41.872.877 đồng. Sau khi trả tiền cho Lò Thị Thanh D cùng ngày, Lò Thị Ph đã làm đơn tố giác hành vi của D gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên.

Số tiền mặt D cho Lò Thị Ph vay là: 57.160.000 đồng; số tiền lãi D và Ph thống nhất cộng vào khoản tiền vay gốc là: 45.840.000 đồng; Tổng số tiền lãi thực tế Ph đã trả cho D qua các lần chốt nợ là: 144.290.000 đồng trong đó lãi xuất đúng quy định là: 26.810.455 đồng, lãi xuất vượt quá quy định là: 117.479.545 đồng.

Trên cơ sở đơn trình báo của chị Ph, ngày 15/7/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối của Lò Thị Thanh D, D đã tự nguyện giao nộp tài liệu, tài sản liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Thị Thanh D.

Tại bản kết luận giám định số 849/GĐ-PC09 ngày 28/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 100 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng gửi giám định là tiền thật

Tại bản kết luận giám định số 973/GĐ-PC09 ngày 19/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Lò Thị Thanh D trên mẫu cần giám định, ký hiệu A1, A2 với chữ viết, chữ ký với chữ viết, chữ ký đứng tên Lò Thị Thanh D trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký ra; Chữ viết dưới mục “bên vay ký”, người trả” đứng tên Lò Thị Ph trên mẫu cần giám định, ký hiệu A1, A2 với chữ viết, chữ ký đứng tên Lò Thị Ph trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết.

Chữ ký đứng tên Lò Thị Ph dưới mục “bên vay ký”, “người trả” trên mẫu cần giám định, ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Lò Thị Ph trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M3, M4 do chữ ký trên tài liệu cần giám định và tài liệu mẫu so sánh không cùng dạng nên không đủ điều kiện để giám định.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Thị Thanh D thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị Ph.

Tại bản Cáo trạng số: 280/CT-VKSDB, ngày 14/10/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Thị Thanh D về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa trong lời luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật Thi hành án hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo D 1/2 số tiền gốc là: 28.580.000 đ và số tiền lãi theo quy định của pháp luật là: 26.810.455 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Lò Thị Ph số lãi vượt quá quy định là: 117.479.545 đồng khấu trừ đi số tiền mặt bị cáo đã cho chị Ph vay là: 57.160.000 đồng; bị cáo còn phải trả cho chị Ph số tiền: 60.319.545 đồng.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Bị cáo không có ý kiến tự bào chữa cũng như không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về bản Luận tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo ngoài xin giảm nhẹ hình phạt các bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Từ ngày 21/02/2018 đến ngày 15/7/2021, Lò Thị Thanh D đã nhiều lần cho Lò Thị Ph vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, được trả lãi theo từng tháng (mỗi tháng được tính là 30 ngày); trong quá trình thực hiện nhiều lần D và Ph đã thống nhất cộng số tiền lãi mà Ph chưa trả được vào số tiền gốc để tiếp tục tính lãi với lãi suất cao gấp 5,4 lần đến 6,152 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền mặt thực tế D cho Ph vay là: 57.160.000 đồng; Tổng số tiền lãi thực tế Ph đã trả cho D là: 144.290.000 đồng trong đó lãi xuất đúng quy định là: 26.810.455 đồng, lãi xuất vượt quá quy định là: 117.479.545 đồng. Với hành vi và khoản tiền thu lợi bất chính như đã nêu trên thì bị cáo đã phạm vào tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội huyện Điện Biên nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý trước pháp luật để bị cáo lấy đó là bài học cho mình đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên

được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có bố chồng được tặng thưởng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong, được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp với đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, được chính quyền địa phương xác nhận trong quá trình sinh sống tại địa phương không vi phạm gì, bản thân là phụ nữ lại đang nuôi con nhỏ, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được cải tạo, tu dưỡng rèn luyện ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo, cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đều hợp pháp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy nghề nghiệp bị cáo làm ruộng, ngoài ra có mở quán bán bún, phở phục vụ nhân dân trong bản thu nhập chỉ đủ chi tiêu trong gia đình, nhà ở là nhà cấp 4 lợp tôn, vật dụng chỉ đủ sinh hoạt cho gia đình nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[6.1]. Biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự:

- Số tiền 57.160.000 đồng là Ph tiền phạm tội và 26.810.455 đồng là tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự, phải bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên số tiền 57.160.000 đồng bị cáo dùng để phạm tội là tài sản chung của vợ

chồng bị cáo. Việc bị cáo cho chị Ph vay tiền, chồng bị cáo là anh Cà Văn K không biết. Do vậy anh K có $\frac{1}{2}$ quyền lợi trong số tài sản chung này: 57.160.000 đồng : 2 = 28.580.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình chỉ bị cáo D có nghĩa vụ riêng về tài sản. Nên cần tịch thu của bị cáo D số tiền: 28.580.000 đồng là Ph tiện phạm tội và 26.810.455 đồng là tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự sung Ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền cần tịch thu của bị cáo để sung ngân sách nhà nước là: 55.390.455 đồng.

- Buộc bị cáo phải trả cho chị Ph số tiền thu lời bất chính 117.479.545 đồng khấu trừ đi số tiền mặt bị cáo đã cho chị Ph vay là: 57.160.000 đồng; bị cáo còn phải trả cho chị Ph số tiền: 60.319.545 đồng.

[6.2]. Xử lý vật chứng:

- 01 đầu thu camera nhãn hiệu @lhua, màu đen, có model DH-XVK04 thu giữ của gia đình bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Cơ quan Điều tra đã trả cho chồng bị cáo là anh Cà Văn K theo Quyết định xử lý vật chứng số 09 ngày 28/8/2021 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Số tiền: 50.000.000 đồng thu giữ của bị cáo được giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa có ý kiến xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị Thanh D phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Lò Thị Thanh D 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, kể từ ngày 19/11/2021. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật Thi hành án hình sự

3. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3.1. Biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự:

- Tịch thu của bị cáo số tiền 55.390.455 đồng sung quỹ Nhà nước. Trong đó 28.580.000 đồng là Ph tiện phạm tội và 26.810.455 đồng là tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo phải trả cho chị Lò Thị Ph số tiền thu lời bất chính 117.479.545 đồng khấu trừ đi số tiền mặt bị cáo đã cho chị Ph vay là: 57.160.000 đồng; bị cáo còn phải trả cho chị Ph số tiền: 60.319.545 đồng

Kể từ ngày chị Ph có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản phải bồi thường thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Việc xử lý vật chứng:

- Số tiền 50.000.000 đồng được giữ lại tại cơ quan Thi hành án dân sự để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được cơ quan Điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/10/2021).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo được miễn án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/11/2021).

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. Điện Biên;
- VKSND h. Điện Biên; VKSND tỉnh DB;
- CQĐT + Nhà tạm giam, giữ h. Điện Biên;
- Bộ phận HSNV Công an h. Điện Biên
- Sở Tư pháp t. Điện Biên +THA H.Sự;
- Chi cục THADS h. Điện Biên;
- Bị cáo; Người CQL,NVLQ
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thu Hương

